

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày 21-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Quyên.

Ông Nguyễn Hoàng Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Sắc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mã Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 125/2023/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/HSST-QĐ ngày 09-01-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/HSST-QĐ ngày 31-01-2024, đối với bị cáo:

Liêu Văn L (tên gọi khác: Không), sinh ngày 18 tháng 01 năm 1992, tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Liêu Văn T và bà Tây Thị P (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 28-8-2023, tạm giam từ ngày 03-9-2023 đến ngày 25 tháng 9 năm 2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang bảo lãnh đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Giáp Văn T1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

2. Bà Giáp Thị T2, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

- *Người chứng kiến*: Ông Hoàng Văn T3; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Liêu Văn L là lái xe thuê cho ông Giáp Văn T1. Khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 27-8-2023, Luật điều khiển xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 98C-188.49 kéo theo rơ moóc biển kiểm soát 98R-013.37, container APRU 5051028 (sau viết tắt là xe ô tô) chở quả sầu riêng từ bãi chờ Việt Nam sang bãi chờ bên Trung Quốc cách Cửa khẩu quốc tế H1 khoảng 400m. Sau đó, Luật nhập cảnh qua Cửa khẩu H1 về Việt Nam. Khoảng 08 giờ ngày 28-8-2023, Luật làm thủ tục xuất cảnh sang Trung Quốc, lấy xe tại bãi chờ và điều khiển xe vào bãi hoa quả tại thị B, Trung Quốc. Khoảng 15 giờ cùng ngày, sau khi trả hàng xong, Luật gặp một người phụ nữ người Trung Quốc (không quen biết, không có thông tin, địa chỉ cụ thể) biết nói tiếng Việt Nam. Người phụ nữ hỏi Luật “có mua pháo không”, Luật nói “có”. Hai bên thỏa thuận giá 01 giàn pháo loại 36 lỗ/giàn là 25 đồng Nhân dân tệ (CNY). Luật đặt mua với người phụ nữ 24 giàn pháo loại 36 lỗ/giàn, với giá 600 CNY. Người phụ nữ dời đi, khoảng 20 phút sau, người phụ nữ quay lại chỗ Luật và giao cho Luật 02 (hai) thùng cát tông có chữ nước ngoài màu đỏ và 08 (tám) giàn pháo. Luật kiểm tra và thấy 02 (hai) thùng cát tông đều chứa pháo. Số lượng, loại pháo đúng như Luật đã đặt mua nên Luật trả cho người phụ nữ 600 CNY. Sau đó, Luật giấu 01 (một) thùng cát tông trên bình dầu của rơ moóc, giấu 01 (một) thùng cát tông trong ca bin đằng sau ghế phụ, giấu 08 (tám) giàn pháo giấy ở đầu giường và cuối giường sau ghế lái trên cabin. Khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 28-8-2023, Luật điều khiển xe ô tô nhập cảnh qua cửa khẩu H1 vào Việt Nam qua thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: 02 (hai) thùng cát tông, mỗi thùng chứa 08 giàn pháo, loại 36 lỗ/giàn; 08 giàn pháo, loại 36 lỗ/giàn (tổng 24 giàn pháo). Xe ô tô và giấy phép kèm theo xe ô tô. Giấy phép lái xe, căn cước công dân, giấy thông hành nhập xuất cảnh đều mang tên Liêu Văn L.

Tại Biên bản xác định trọng lượng pháo lập ngày 28-8-2023, xác định số pháo thu giữ của Liêu Văn L có khối lượng là 34kg (ba mươi tư kilôgam).

Tại Kết luận giám định số 895/KL-KTHS ngày 31-8-2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L kết luận: Khối hình hộp gửi giám định là pháo. Loại: pháo hoa nổ (chứa thuốc pháo, khi đốt đều gây tiếng nổ).

Trong quá trình điều tra, xác định Liêu Văn L mua pháo về để đốt. Cơ quan điều tra đã tiến hành tiêu huỷ số pháo thu giữ và toàn bộ các vỏ bao, gói. Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô và giấy tờ kèm theo cho ông Giáp Văn T1 và bà Giáp Thị T2.

Tại bản Cáo trạng số 118/CT-VKS-CL ngày 28-11-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Liêu Văn L về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm k khoản 2, khoản 4 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 65 của Bộ luật Hình; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Liêu Văn L phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”. Xử phạt bị cáo Liêu Văn L từ 02 năm tù đến 03 năm tù, cho hưởng án treo. Án định thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục theo quy định. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Trả lại cho bị cáo 01 (một) căn cước công dân, 01 (một) giấy phép lái xe, 01 (một) giấy thông hành nhập xuất cảnh do bị cáo không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra, các vật chứng đã được xử lý trong giai đoạn điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Vận chuyển hàng cấm” là đúng tội danh, đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện, không oan. Lời nói sau cùng, bị cáo thể hiện ăn năn, hối hận về việc làm của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Kiểm sát viên và bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ theo quy định của Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận, ngày 28-8-2023, bị cáo Liêu Văn L là người thực hiện hành vi vận chuyển hàng cấm là 34 kilôgam pháo hoa nổ từ Trung Quốc qua cửa khẩu quốc tế H1 về Việt Nam. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định của Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, có đủ căn cứ kết án bị cáo Liêu Văn

L phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định của điểm k khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý một số hàng hóa của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và có đủ năng lực nhận thức hành vi vận chuyển hàng cấm (pháo hoa nổ) là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp, cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo hiện nay đang trực tiếp sinh sống cùng bố là ông Liêu Văn T và mẹ kế là bà Trần Thị N. Ông T là người khuyết tật vận động, mức độ khuyết tật đặc biệt nặng. Bà N là người khuyết tật vận động, mức độ khuyết tật nặng. Bị cáo ủng hộ cho Hội liên hiệp phụ nữ xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang với số tiền 2.000.000 đồng để tặng quà cho phụ nữ và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Giáp Thìn. Bị cáo ủng hộ cho H chữ thập đỏ xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang với số tiền 2.000.000 đồng. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo Liêu Văn L chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật nên được coi là có nhân thân tốt.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định và có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo đang đang trực tiếp sinh sống, phụng dưỡng bố là ông Liêu Văn T và mẹ kế là bà Trần Thị N. Bố và mẹ kế của bị cáo đều là những người cao tuổi, đồng thời là người khuyết tật vận động, mức độ khuyết tật đặc biệt nặng và nặng. Nên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ. Do đó, việc áp dụng hình phạt tù, cho hưởng án treo đối với bị cáo cũng đủ để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo nhận thức được “pháo nổ” đã bị pháp luật nghiêm cấm từ lâu nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi vận chuyển. Do đó, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Đối với người bán “pháo nổ” cho bị cáo: Do không biết rõ nhân thân, lai lịch và do điều kiện địa lý nên Cơ quan điều tra chưa đủ cơ sở để điều tra, xử lý trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không đủ cơ sở xem xét, xử lý trong vụ án này.

[11] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Cơ quan điều tra đã tiêu hủy số pháo thu giữ cùng toàn bộ vỏ bao gói, trả lại xe ô tô và giấy tờ kèm theo cho ông Giáp Văn T1 và bà Giáp Thị T2 là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không cần phải xem xét, giải quyết. Đối với 01 (một) căn cước công

dân, 01 (một) giấy phép lái xe, 01 (một) giấy thông hành nhập xuất cảnh thu giữ của bị cáo Liêu Văn L do bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[12] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[13] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Ý kiến của các bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm k khoản 2, khoản 4 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 292, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Liêu Văn L phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Liêu Văn L 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Liêu Văn L cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Liêu Văn L số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Trả lại cho bị cáo Liêu Văn L: 01 (một) Căn cước công dân mang tên Liêu Văn L số 024092016897, cấp ngày 22 tháng 11 năm 2022. 01 (một) Giấy

phép lái xe mang tên Liêu Văn L số 240156833334, cấp ngày 29 tháng 12 năm 2021. 01 (một) Giấy thông hành nhập xuất cảnh mang tên Liêu Văn L số H17404635, cấp ngày 28 tháng 7 năm 2023.

(Vật chứng trên được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 24 tháng 11 năm 2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí: Bị cáo Liêu Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn.
- Sở Tư pháp, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Công an huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Văn Nghiệp